

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 4963 /QĐ-UBND

Long An, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch công tác cải cách
hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ văn bản số 6459/BNV-CCHC ngày 07/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 5076/SNV-TTr ngày 16/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Long An.**

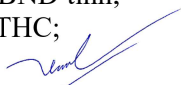
Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị và tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng sở, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC - Bộ nội vụ;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH

Công tác cải cách hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .4963../QĐ-UBND
ngày 28. /12/2020 của UBND tỉnh Long An)*

Nhằm tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) đạt hiệu quả, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác CCHC năm 2021 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Tiếp tục triển khai, thực hiện toàn diện các nội dung, nhiệm vụ CCHC của tỉnh, trong đó tập trung các nội dung như nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), nhất là năng lực thực thi công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) gắn với nâng cao chất lượng giải quyết TTHC thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông, giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của CCHC gắn với Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI), nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), tiếp tục giữ vững và cải thiện thứ hạng Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

2. Yêu cầu

Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao chất lượng thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng mục tiêu kế hoạch đề ra; tăng cường chỉ đạo, phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong thực hiện CCHC. Nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ của CBCCVC trong thực thi nhiệm vụ. Phân công cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Chỉ tiêu cụ thể:

- Có 100% văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do HĐND, UBND tỉnh ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành VBQPPL; bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính khả thi và tính thống nhất của VBQPPL trong hệ thống văn bản pháp luật địa phương.

- Có 100% cán bộ, công chức các cấp được cấp tài khoản và tham gia vào hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước các cấp dưới dạng điện tử (bao gồm văn bản gửi song song cùng văn bản giấy,

trừ văn bản mật); 100% văn bản điện tử đi các cấp được ký bằng chữ ký số; 80% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% hộp thư điện tử được cấp cho cán bộ, công chức của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện sử dụng thường xuyên trong công việc.

- Có 60% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và của tỉnh.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 40% trở lên; 65% TTHC đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 10% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trên 98% hồ sơ giải quyết đúng hạn công bố trên môi trường mạng.

- Có trên 85% sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước theo kết quả công bố của Bộ Nội vụ (SIPAS); Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công cấp huyện.

- Có 100% các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập bố trí CBCCVC theo vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt. Phần đầu có 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn chuyên môn theo quy định, riêng công chức cấp xã có 70% đạt trình độ đại học theo đúng chuyên ngành; 100% cơ quan, đơn vị tinh giản biên chế theo quy định.

- Có 100% cơ quan hành chính thuộc diện bắt buộc và 100% UBND cấp xã áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 thực hiện theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới trụ sở UBND cấp xã theo lộ trình gắn với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

II. NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2021

1. Cải cách thể chế

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả, trách nhiệm trong quá trình tham mưu xây dựng và ban hành VBQPPL; bảo đảm sự cần thiết, đồng bộ, thống nhất, hợp lý, hợp pháp, khả thi của các VBQPPL sau khi được ban hành. Thực hiện có hiệu quả các hoạt động theo dõi việc thi hành pháp luật, thường xuyên rà soát, kiểm tra, tự kiểm tra VBQPPL, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới VBQPPL có quy định TTHC thuộc thẩm quyền và theo quy định của pháp luật; kịp thời kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quy định của pháp luật. Tập trung rà soát, xử lý hoặc đề xuất xử lý các VBQPPL đã ban hành nhưng không còn phù hợp với quy định và thực tiễn.

2. Cải cách TTHC

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung về cải cách TTHC, trọng tâm cải cách TTHC gắn với cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh góp phần nâng cao Chỉ số PCI cấp tỉnh. Thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh trong việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC cho cá nhân và tổ chức.

Đổi mới phương thức làm việc, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ chế một cửa, một cửa liên thông, phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hạn. Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm việc CBCCVC gây phiền hà, nhũng nhiễu trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

Thường xuyên rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện để kịp thời kiến nghị bãi bỏ các quy định và những TTHC không cần thiết; rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, kiến nghị cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp có yêu cầu giải quyết TTHC; chú trọng cải cách TTHC trong nội bộ và giữa các cơ quan. Cập nhật, niêm yết công khai TTHC, quy trình giải quyết TTHC, việc thu phí, lệ phí tại nơi tiếp nhận và trả kết quả TTHC; tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; nâng cao trách nhiệm của công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC các cấp; thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Tiếp tục tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC; phân cấp thẩm quyền đối với những lĩnh vực đã có chủ trương thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp, kịp thời xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

4. Cải cách công vụ

Tiếp tục thực hiện các quy định về tuyển dụng, nâng ngạch công chức theo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, cạnh tranh đúng pháp luật, công bằng; phân công người có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm; quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái phải tuân thủ triệt để điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định nhằm phát triển tối đa nguồn nhân lực của địa

phương; thực hiện đánh giá, phân loại CBCCVC hàng năm đúng thực chất, khách quan không nể nang, hình thức.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2021 và triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh. Rà soát, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo Đề án vị trí việc làm; thực hiện tốt chế độ, chính sách tiền lương theo quy định của Trung ương và của tỉnh gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng. Khuyến khích CBCCVC tự nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Thường xuyên nhắc nhở CBCCVC trau dồi trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong, ngôn phong và nâng cao tinh thần, trách nhiệm, thái độ trong thực thi công vụ, phục vụ nhân dân theo Chỉ thị số 72-CT/TU ngày 09/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá XII) “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, dễ phát sinh tiêu cực. Kiên quyết xử lý, sắp xếp, chuyển đổi vị trí công tác theo quy định và đối với những trường hợp CBCCVC vi phạm, không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tăng thu nhập cho CBCCVC. Đẩy mạnh việc sắp xếp, củng cố, kiện toàn và phát huy hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị hành chính và sự nghiệp công lập.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước năm 2021 phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh và lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin theo quy định; sử dụng chữ ký số, ứng dụng hiệu quả các hệ thống phần mềm đã triển khai và hoàn thiện trang tiếng Anh phục vụ công tác quảng bá hình ảnh, kêu gọi, xúc tiến đầu tư của tỉnh.

100% cơ quan hành chính nhà nước (đối tượng bắt buộc áp dụng) và 188 UBND cấp xã thực hiện duy trì, áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục rà soát đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây

dựng mới trụ sở UBND cấp xã. Chủ động trang bị cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã theo phân cấp ngân sách, bảo quản trụ sở, chống xuống cấp, tạo mỹ quan công sở.

III. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện công tác CCHC, xác định nhiệm vụ CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, thông suốt. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của CBCCVC trong thực thi công vụ. Gắn kết quả thực hiện công tác CCHC vào đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CBCCVC và xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về CCHC, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát quá trình thực thi công vụ của CBCCVC; áp dụng mô hình, sáng kiến hữu ích nhằm phục vụ tốt công tác CCHC, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm kịp thời chấn chỉnh, xử lý những vi phạm của đội ngũ CBCCVC, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết xử lý nghiêm đối với số CBCCVC vi phạm pháp luật, gây khó khăn phiền hà cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Rà soát, lựa chọn những công chức, viên chức có trình độ năng lực, có ý thức trách nhiệm cao và có phẩm chất đạo đức tốt làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về TTHC phục vụ tốt yêu cầu giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, rút ngắn hơn nữa về thời gian giải quyết TTHC, kiến nghị cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có yêu cầu giải quyết TTHC. Gắn kết quả công tác CCHC của từng sở, ngành, địa phương với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho công chức chuyên trách CCHC; bố trí đầy đủ kinh phí triển khai thực hiện CCHC năm 2021. Đôn đốc, kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện được phân công (*Phụ lục đính kèm*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị và triển khai thực hiện những công việc được phân công tại Kế hoạch này theo đúng thời gian quy định.

UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch CCHC và triển khai thực hiện.

2. Giao Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành tỉnh; UBND cấp huyện phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo xử lý kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út



PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 4963/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Long An)

TT	Nội dung CCHC	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự trù kinh phí thực hiện (triệu đồng)
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	1.1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2021 tại các đơn vị, địa phương.	<ul style="list-style-type: none">- Kế hoạch kiểm tra CCHC.- Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra.- Thông báo hoặc biên bản kiểm tra.- Báo cáo kết quả kiểm tra.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý II, III/2021	50
		1.2. Phối hợp triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh.	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC tỉnh năm 2020.	Sở Nội vụ	Các sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh.	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ.	5
		1.3. Tập huấn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.	Các lớp tập huấn.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Trong năm	50
		1.4. Xác định Chỉ số CCHC năm 2020 đối với các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định phê duyệt Chỉ số CCHC năm 2020 của UBND tỉnh.- Khen thưởng công	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý IV/2020, Quý I/2021	0

		tác CCHC năm 2020				
	1.5. Xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2022.	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý IV/2021	0
	1.6. Xây dựng Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2030	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Khi Chính phủ ban hành	
	1.7. Xây dựng kế hoạch và triển khai điều tra đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.	- Kế hoạch của cơ quan, đơn vị. - Báo cáo kết quả.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ.	Trong năm	Các cơ quan, đơn vị dự trù kinh phí riêng.
	1.8. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức về thực hiện công tác CCHC để phục vụ xác định chỉ số CCHC năm 2020 đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện.	- Kế hoạch của UBND tỉnh - Báo cáo của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ.	UBND cấp huyện.	Trong năm	150
	1.9. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền năm 2021.	Kế hoạch của UBND tỉnh.	Sở Nội vụ.	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý I, II/2021	0
	1.10. Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên Báo Long An, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.	Chuyên trang, chuyên mục.	Báo Long An, Đài PT và TH tỉnh.	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Trong năm	100
	1.11. Tổ chức học tập kinh nghiệm một số địa phương có mô hình, sáng kiến điển hình về CCHC.	- Kế hoạch học tập - Báo cáo kết quả học tập	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành liên quan.	Trong năm	70
	1.12. Hội nghị tổng kết công tác CCHC năm 2020, triển khai Kế hoạch CCHC năm 2021. Triển khai Kế hoạch CCHC giai đoạn	- Báo cáo năm 2020 - Kế hoạch năm 2021	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan ngành dọc và UBND cấp huyện,	Quý I/2021	30

		2021-2030 (Sau khi Bộ Nội vụ ban hành)			cấp xã.		
		1.13. Xây dựng Kế hoạch khắc phụ Chỉ số CCHC (PAR INDEX) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).	- Kế hoạch. - Báo cáo năm 2021.	Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan ngành dọc và UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ.	Sau khi Bộ Nội vụ công bố	0
2	Cải cách thể chế	2.1. Thực hiện theo dõi thi hành pháp luật	- Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2021 của UBND tỉnh - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	- Quý I/2021 - Trước ngày 22/12/2021	Sở Tư pháp dự trừ kinh phí riêng.
		2.2. Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VPQPPL trên địa bàn tỉnh.	Kế hoạch của UBND tỉnh.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý I/2021	
		2.3. Tự kiểm tra, kiểm tra VBQPPL trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo của UBND tỉnh (Theo thời gian báo cáo thống kê ngành Tư pháp).	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh.	Trong năm	
		2.4. Rà soát, công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực năm 2020.	Quyết định về việc công bố danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực trong năm 2020.	Sở Tư pháp.	Ban Pháp chế HĐND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh.	Quý I/2020	
3	Cải cách TTHC	3.1. Xây dựng Kế hoạch kiểm soát TTHC; Kế hoạch, rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 và tổ	- Các Kế hoạch của UBND tỉnh - Báo cáo kết quả	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và	Các sở, ban, ngành tỉnh.	- Quý I/2021 - Quý	0

	chức triển khai thực hiện.	kiểm soát TTHC năm 2021	UBND tỉnh.		IV/2021	
	3.2. Tổ chức hoạt động kiểm soát TTHC. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.	Các Quyết định, văn bản chỉ đạo.	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và cấp xã	Trong năm	0
	3.3. Công bố TTHC mới ban hành được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo VBQPPL của Trung ương và địa phương.	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh.	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	Trong năm (nếu có)	0
	3.4. Thực hiện đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC trong các dự thảo văn bản QPPL (trường hợp được Luật giao).	Biểu mẫu đánh giá tác động quy định TTHC của sở, ngành tỉnh.	Sở, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản.	Sở Tư pháp, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	Trong năm (nếu có)	0
	3.5. Cho ý kiến, thẩm định về quy định TTHC trong các dự thảo văn bản QPPL (trường hợp được Luật giao).	Văn bản thẩm định.	Sở Tư pháp.	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Sở, ngành tỉnh được giao chủ trì soạn thảo văn bản và các cơ quan có liên quan.	Trong năm (nếu có)	0
	3.6. Tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC đối với các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.	Các lớp tập huấn	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2021	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh dự trù kinh phí riêng.

		3.7. Rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC	Báo cáo của UBND tỉnh.	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Quý III/2021	0
		3.8. Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công huyện cấp huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	- Kế hoạch kiểm tra - Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra - Báo cáo kết quả kiểm tra	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Định kỳ, đột xuất trong năm	Văn phòng UBND tỉnh dự trù kinh phí riêng
		3.9. Thực hiện các quy định tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.	Trong năm.	0
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	4.1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.	Quyết định UBND tỉnh.	Các sở, ban ngành tỉnh.	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ.	Năm 2021 (khi có hướng dẫn của TW).	Kinh phí xây dựng VBQPP L theo quy định.
		4.2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.	Quyết định UBND huyện	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Năm 2021 (khi có hướng dẫn của	Kinh phí xây dựng VBQPP

						TW).	L theo quy định.
		4.3. Sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện theo quy định của cấp trên.	Quyết định của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp.	Sở Nội vụ.	Năm 2021 (khi có hướng dẫn của TW).	0
		4.4. Thực hiện phân cấp quản lý giữa các cấp chính quyền địa phương theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tế của tỉnh.	Quyết định UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ.	Năm 2021 (khi có quy định của TW).	0
		4.5. Tiếp tục thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương 6 (Khóa XII).	- Văn bản UBND tỉnh - Báo cáo của các cơ quan, đơn vị.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ.	Trong năm.	0
		4.6. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương và của tỉnh.	- Văn bản của UBND tỉnh - Báo cáo của Sở Nội vụ.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Trong năm	Theo Kế hoạch được phê duyệt.
5	Cải cách công vụ	5.1. Tổ chức sắp xếp, bố trí CBCCVC theo đề án vị trí việc làm đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.	Báo cáo của cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ	Trong năm	0

		5.2. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức năm 2021.	Kết quả tuyển dụng công chức, viên chức.	- Sở Nội vụ tuyển dụng công chức. - Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tuyển dụng viên chức.	- Sở, ngành tỉnh. - UBND cấp huyện.	Trong năm.	Sở Nội vụ dự trù kinh phí riêng.
		5.3. Thực hiện thi nâng ngạch lên chuyên viên và tương đương, chuyên viên lên chuyên viên chính.	- Kế hoạch của UBND tỉnh. - Báo cáo.	Sở Nội vụ.	- Sở ngành tỉnh. - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Trong năm.	
		5.5. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2021 đối với sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã.	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh. - Báo cáo của Sở Nội vụ.	Sở Nội vụ.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	- Quý IV/2020. - Quý IV/2021.	0
		5.6. Đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBCCVC năm 2020.	Báo cáo đánh giá phân loại CBCCVC của tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan ngành dọc; UBND cấp huyện, cấp xã.	Quý I/2021.	0
		5.7. Xử lý, sắp xếp chuyển đổi vị trí công tác theo quy định	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thanh tra tỉnh	Quý IV/2021.	0
6	Cải cách tài chính công	6.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	Báo cáo của Sở Tài chính.	Sở Tài chính.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Tháng 01/2022	0
		6.2. Kết quả thực hiện các Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013, 43/2006/NĐ-	Báo cáo của Sở Tài chính.	Sở Tài chính.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Quý II/2021	0

		CP ngày 25/4/2006, 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016, 54/2006/NĐ-CP ngày 14/6/2006 của Chính phủ năm 2018.					
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử	7.1. Xây dựng và theo dõi triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2021.	- Kế hoạch UBND tỉnh. - Báo cáo kết quả.	Sở Thông tin và Truyền thông.	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện.	- Tháng 12/2020. - Tháng 11/2021.	Sở Thông tin và Truyền thông dự trù kinh phí riêng.
		7.2. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của các cơ quan, đơn vị (Lồng ghép báo cáo chuyên đề CCHC).	Báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã.	Trong năm	0
		7.3. Kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị và báo cáo kết quả (Lồng ghép nội dung kiểm tra ISO vào nội dung kiểm tra CCHC do Sở Nội vụ chủ trì).	- Kế hoạch lồng ghép kiểm tra CCHC. - Báo cáo chuyên đề định kỳ.	Sở Khoa học học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị được chọn.	Theo kế hoạch kiểm tra CCHC của tỉnh.	0
		7.4. Rà soát đầu tư xây dựng, nâng cấp trụ sở UBND cấp xã.	Báo cáo kết quả.	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện.	Trong năm	UBND tỉnh bố trí phí theo ngân sách của tỉnh.